

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/LĐ-ST
Ngày: 26-02-2025
V/v “Tranh chấp về hợp đồng
lao động”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Minh Tuấn - Liên đoàn lao động thành phố Thủ Dầu Một.
- Ông Trương Ngọc Điệp - Cán bộ hưu trí.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Vân

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một:* Bà Lê Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 56/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-LĐ ngày 11/02/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; địa chỉ liên hệ: Số D, đường P, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH M; địa chỉ: Lô C, khu công nghiệp K, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Công Huyền Tôn Nữ Huyền T1, sinh năm 1982; địa chỉ: Số A, đường Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/11/2024).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Đình T2, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

+ Bảo hiểm xã hội tỉnh B; địa chỉ: Số A, đường L, Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn trình bày:* Tháng 7 năm 2000, Nguyễn Đình T có xin vào làm việc tại Công ty D; địa chỉ: Lô J, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương và ký kết hợp đồng có thời hạn với Công ty. Tháng 8 năm 2007, Công

ty bắt đầu đóng bảo hiểm xã hội cho Nguyễn Đình T đến tháng 4 năm 2011 thì nguyên đơn nghỉ việc tại Công ty này. Vừa qua, nguyên đơn nhận thông báo của Bảo hiểm xã hội tỉnh B cho biết việc nguyên đơn có 02 sổ sổ bảo hiểm xã hội, cụ thể, số 1: 408291218 cấp tại Công ty TNHH M; số 2: 7410217531 cấp tại Công ty D. Nguyên đơn bị trùng thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 10 năm 2008 đến tháng 5 năm 2010. Vì trong thời gian này nguyên đơn có cho em ruột là Nguyễn Đình T2 mượn hồ sơ xin việc của nguyên đơn đi làm công ty do em nguyên đơn chưa đủ tuổi đi xin việc làm. Do không hiểu biết quy định của pháp luật nên mới gây ra hậu quả như ngày hôm nay. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, tuyên bố hợp đồng lao động được ký giữa Công ty TNHH M và Nguyễn Đình T vô hiệu; hủy thời gian đóng bảo hiểm theo quy định pháp luật. Ngày 30/10/2024, nguyên đơn có đơn xin rút đối với yêu cầu hủy thời gian đóng bảo hiểm theo quy định pháp luật. Hiện tại, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký giữa Công ty TNHH M và Nguyễn Đình T vô hiệu.

** Bị đơn Công ty TNHH M trình bày:* Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1989 có ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH M (nay là Công ty TNHH V). Thời gian tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bắt buộc từ tháng 10 năm 2008 đến tháng 5 năm 2010. Vì vậy, bị đơn đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên bố hợp đồng lao động được ký giữa Công ty TNHH M và Nguyễn Đình T vô hiệu.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình T2 trình bày:* Thống nhất với toàn bộ phần trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Kiểm sát viên không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục.

Về nội dung, căn cứ theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký giữa Công ty TNHH M (nay là Công ty TNHH V) theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 3700781900, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 27/9/2023 và ông Nguyễn Đình T vô hiệu. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hợp đồng lao động” được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH M; địa chỉ: Lô C, khu công nghiệp K, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn; người đại diện hợp pháp của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tổ tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH M và ông Nguyễn Đình T. Tuy nhiên, tất cả các đương sự đều thống nhất có việc giao kết hợp đồng. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Căn cứ vào trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy ông Nguyễn Đình T2, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên dùng nhân thân của ông Nguyễn Đình T để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH M từ tháng 8 năm 2007, Công ty bắt đầu đóng bảo hiểm xã hội cho Nguyễn Đình T đến tháng 4 năm 2011 có 02 sổ sổ bảo hiểm xã hội, cụ thể, số 1: 408291218 cấp tại Công ty TNHH M; số 2: 7410217531 cấp tại Công ty D.

Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thông tin Bảo hiểm xã hội có cơ sở xác định: Việc ông Nguyễn Đình T2 sử dụng thông tin trong hồ sơ cá nhân của ông Nguyễn Đình T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH M là không đúng chủ thể xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động được quy định tại Điều 17 Bộ luật Lao động năm 1994 (Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019). Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015) xét thấy, yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động người lao động tên ông Nguyễn Đình T và Công ty TNHH M từ tháng 10/2008 đến tháng 5/2010 là có cơ sở chấp nhận.

Do đương sự chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và không có yêu cầu giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với quyền lợi của ông Nguyễn Đình T2 do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH M phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 122, 132, 137 Bộ luật dân sự năm 2005 (Các Điều 117, 122, 127; 131 của Bộ luật dân sự);

Các Điều 17, 50, 51 và Điều 52 Bộ luật Lao động năm 1994 (các Điều 15, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019);

Căn cứ Điều a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình T về việc Tranh chấp hợp đồng lao động với bị đơn Công ty TNHH M (nay là Công ty TNHH V).

2. Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa ông Nguyễn Đình T và Công ty TNHH M (nay là Công ty TNHH V) từ tháng 10 năm 2008 đến tháng 5 năm 2010 bị vô hiệu.

3. Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Bảo hiểm xã hội tỉnh B thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với ông Nguyễn Đình T theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Công ty TNHH M (nay là Công ty TNHH V) phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí lao động sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục thi hành án dân sự TP TDM;
- BH xã hội tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong